

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN D  
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 29 - 3 - 2024  
V/v ly hôn; tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D,  
TỈNH B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoàng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Xuân Hiều  
2. Bà Nguyễn Thị Thông

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh B tham gia phiên tòa:**  
Bà Đinh Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 505/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023 về việc “ly hôn; tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thanh Kim Ph, sinh năm 1985; HKTT: Số 1/2 đường Thống Nhất, tổ 1, khu phố 2, thị trấn D, huyện D, tỉnh B.

**- Bị đơn:** Ông Trương Song C, sinh năm 1984; HKTT: Số nhà 04, Nguyễn Bình Khiêm khu phố 5, thị trấn D, huyện D, tỉnh B. Chỗ ở hiện nay: Ấp Núi Đất, xã Đ, huyện D, tỉnh B.

Nguyên đơn có mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa nguyên đơn (bà Ph) trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Ph và ông C chung sống với nhau từ năm 2015, hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn D, huyện D, tỉnh B ngày 16/10/2015 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 148, quyền số 02/2015.

Lý do xin ly hôn: Quá trình chung sống, vợ chồng sống chung không hợp, thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông C không có sự quan tâm chăm sóc vợ con, đời sống vợ chồng quá mệt mỏi, không có hạnh phúc nên không còn sống chung từ nhiều năm nay. Thời gian không sống chung, ông C cũng không quan tâm hay phụ giúp bà Ph nuôi dưỡng con chung, chăm lo cho gia đình. Tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên nguyên đơn quyết định làm đơn xin ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Hồng A, sinh ngày 21/12/2016 và Trương Ngọc A, sinh ngày 21/12/2016. Bà Ph yêu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu, tranh chấp gì khác.

*Đối với bị đơn:*

Trong quá trình thụ lý, thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật để báo cho bị đơn biết để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do.

*- Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại các Điều 26, 35, 39 về thẩm quyền thụ lý vụ án; Điều 68 về xác định tư cách tham gia tố tụng; các Điều 93 đến 97 về việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; Điều 195, 196 về trình tự thụ lý, giao nhận thông báo thụ lý; Điều 203 về thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 70 và 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy: Tình trạng hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con, đây là vụ án tranh chấp hôn

nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Trương Song C có hộ khẩu thường trú tại thị trấn D, huyện D, tỉnh B; chỗ ở hiện nay là ấp N, xã Đ, huyện D, tỉnh B theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B.

Do bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2015, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn D, huyện D, tỉnh B vào ngày 16/10/2015 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 148, quyển số 02/2015. Như vậy, quan hệ hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét thấy, quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập các bên đương sự để hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Điều này cho thấy bị đơn không có thiện chí hòa giải đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng với nguyên đơn, nguyên đơn cũng kiên quyết xin ly hôn do không còn khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại Biên bản xác minh ngày 30/11/2023, gia đình bị đơn xác nhận do mâu thuẫn trầm trọng nên nguyên đơn và bị đơn không còn sống chung từ nhiều năm nay, hiện nay bị đơn đã đi làm ăn và sinh sống ở địa phương khác.

Từ những căn cứ trên cho thấy mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, do vậy được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung tên Trương Hồng A, sinh ngày 21/12/2016 và Trương Ngọc A, sinh ngày 21/12/2016. Nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, theo bản tự khai ngày 04/3/2024, hai con chung tên Trương Hồng A và Trương Ngọc A có nguyện vọng được sống với mẹ là nguyên đơn, mong muốn được nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bị đơn không lên Tòa án làm việc nên không ghi nhận được ý kiến của bị đơn về con chung, hiện nay nguyên đơn là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung và nguyên đơn cũng có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Vì vậy cần tiếp tục giao hai con chung tên Trương Hồng A và Trương Ngọc A cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo cho sự phát triển về thể chất cũng như tinh thần của con chung. Yêu cầu của nguyên đơn về con chung

là phù hợp với quy định tại Điều 69, 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, do vậy được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh B là phù hợp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 39, 147, 179, 227, 228, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 8, 9, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 17 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “ly hôn; tranh chấp nuôi con” của bà Nguyễn Thị Thanh Kim Ph.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh Kim Ph được ly hôn với ông Trương Song C.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Trương Hồng A, sinh ngày 21/12/2016 và Trương Ngọc A, sinh ngày 21/12/2016 cho bà Nguyễn Thị Thanh Kim Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Thanh Kim Ph về việc không yêu cầu ông Trương Song C cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Thanh Kim Ph phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009613 ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh B.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/3/2024). Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện D;
- CC THADS huyện D;
- UBND thị trấn D, huyện D, tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hoàng**